ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 202/QĐ-UBND	*Tiền Giang, ngày 14 tháng 02 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đã chuẩn hóa về nội dung

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3656/QĐ-BNN-KTHT ngày 06 tháng 9 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đã chuẩn hóa về nội dung *(Lĩnh vực Phát triển nông thôn.*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Văn phòng Chính phủ (Cục KS TTHC); - CT, các PCT. UBND tỉnh; - Sở Tư pháp (Phòng KS TTHC); - Cổng TTĐT tỉnh; - Lưu: VT, NC (S).	**KT. CHỦ TỊCH** **PHÓ CHỦ TỊCH** *Lê Văn Nghĩa*

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 202/QĐ-UBND, ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

STT	Tên thủ tục hành chính
Lĩnh vực phát triển nông thôn	
1	Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Lĩnh vực Phát triển nông thôn

1. Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản

1	Trình tự thực hiện	**Bước 1:** Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật. **Bước 2:** Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân xã. **Bước 3:** Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung của hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, xác nhận việc thực hiện hợp đồng; - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn một lần bằng Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho người nộp bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định. **Bước 4:** Người nộp nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã. *** Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Sáng từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00, từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần và sáng thứ bảy từ 07 giờ 30 đến 11 giờ 30 (trừ ngày lễ, tết).
2	Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp
3	Thành phần và số lượng hồ sơ	**a) Thành phần hồ sơ:** - Hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản giữa doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân với nông dân *(Phụ lục I – Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT);* - Biên bản nghiệm thu hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản giữa doanh nghiệp và tổ chức đại diện của nông dân với nông dân. **b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ
4	Thời hạn giải quyết	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ
5	Đối tượng thực hiện TTHC	Cá nhân
6	Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không. c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã. d) Cơ quan phối hợp: Không.
7	Kết quả của TTHC	Văn bản xác nhận
8	Lệ phí	Không
9	Tên mẫu đơn	Phụ lục I – Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT

10	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
11	Căn cứ pháp lý của TTHC	- Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; - Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; - Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về ban hành quy định mức hỗ trợ phát triển cánh đồng lớn, gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Phụ lục I - Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ.....
Số: ...../ 20...../HĐSXTT

Căn cứ:

- Bộ luật dân sự năm 2005;

- .....

Hôm nay, ngày..... tháng ..... năm 20.... tại ...., hai bên gồm:

BÊN A: DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN CỦA NÔNG DÂN .....

Địa chỉ :.....

Điện thoại :..... Fax: .....

Mã số thuế : .....

Tài khoản: .....

Do ông/bà : .....

Chức vụ: ..... làm đại diện.

BÊN B: TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN CỦA NÔNG DÂN/NÔNG DÂN.....

Do ông/bà :..... Chức vụ: ..... làm đại diện.

CMND số:.....ngày cấp .....nơi cấp.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Tài khoản: .....

Sau khi bàn bạc trao đổi thống nhất, hai bên nhất trí ký Hợp đồng như sau:

Điều 1. Nội dung chính

1. Bên B đồng ý Hợp đồng sản xuất và bán (tiêu thụ) .....cho bên A:

- Thời gian sản xuất: từ ngày.....tháng ....năm đến ngày.... tháng .....năm....
- Diện tích: ..... ha.
- Sản lượng dự kiến: .....tấn.
- Địa điểm: .....

2. Bên A bán (trả ngay hoặc ghi nợ) cho bên B giống, vật tư phục vụ sản xuất cụ thể như sau:

Tên sản phẩm	Diện tích sản xuất (ha)	Số lượng (tấn)	Đơn giá (đồng/tấn)	Thành tiền (đồng)
1.				
2.				
Tổng cộng				

3. Nếu bên B tự mua *(tên giống hoặc vật tư)*..... : ..... *(tên giống hoặc vật tư)* mà bên B tự mua phải là loại ..... đạt tiêu chuẩn, chất lượng của giống ....., được sự chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bên B bán .....hàng hóa cho bên A:

- Số lượng tạm tính: .....

- Với quy cách, chất lượng, phương thức kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm..... do hai bên đã thoả thuận được ghi ở Điều 3 dưới đây và với số lượng thực tế khi thu hoạch.

Điều 2. Thời gian, địa điểm giao nhận và bốc xếp

1. Thời gian giao hàng

2. Địa điểm giao, nhận hàng

3. Bốc xếp, vận chuyển, giao nhận

Điều 3. Giá cả và phương thức thanh toán, địa điểm giao hàng

1. Giống và vật tư nông nghiệp *(áp dụng cho trường hợp bên A bán ghi nợ cho bên B):*

- Giá các loại vật tư, phân bón, công lao động

- Phương thức thanh toán

- Thời hạn thanh toán

2. Sản phẩm hàng hóa

- Tiêu chuẩn: (các tiêu chuẩn sản phẩm hàng hóa phải đạt được).

- Giá nông sản dự kiến (giá trên thị trường tại thời điểm thu hoạch hoặc giá sàn hoặc mức bù giá....)

- Phương thức và thời điểm thanh toán

3. Địa điểm giao hàng

- Ghi rõ địa điểm bên B giao sản phẩm nông sản hàng hoá cho bên A

Điều 4. Trách nhiệm bên A

- Giới thiệu doanh nghiệp cung cấp vật tư nông nghiệp (*phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn)* cho bên B nếu bên B có nhu cầu.

- Đảm bảo giao giống đúng số lượng, chất lượng, chủng loại, qui cách và thời hạn đã cam kết (*đối với trường hợp bên A bán ghi nợ cho bên B giống phục vụ sản xuất*)

- Đảm bảo thu mua sản phẩm hàng hóa đúng theo qui cách - phẩm chất đã cam kết và số lượng thu hoạch thực tế.

- Phối hợp với bên B tổ chức các biện pháp thu mua phù hợp với thời gian thu hoạch của bên B và kế hoạch giao nhận của bên A *(căn cứ theo lịch điều phối của bên A).*

- Cung cấp bao bì đựng ..... cho bên B *(nếu có yêu cầu)* sau khi đạt được thỏa thuận mua bán giữa hai bên.

- .....

Điều 5. Trách nhiệm bên B

- Bên B phải tuân thủ các qui trình canh tác theo yêu cầu của bên A và phù hợp với khuyến cáo của ngành nông nghiệp.

- Giao, bán sản phẩm hàng hóa đúng theo qui cách về phẩm chất, số lượng *(theo thực tế thu hoạch),* đúng thời gian, địa điểm giao hàng đã được hai bên thống nhất.

- Cung cấp cho bên A các thông tin về quá trình canh tác, thời gian thu hoạch, địa điểm giao hàng v.v....

- Lập danh sách hộ nông dân tham gia liên kết sản xuất trong cánh đồng lớn *(có danh sách kèm theo hợp đồng*).

- .....

Điều 6. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp bên A vi phạm Hợp đồng

Nếu bên A được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên A cho bên B.

2. Trường hợp bên B vi phạm Hợp đồng

Nếu bên B được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên B cho bên A.

Điều 7. Điều khoản chung

1. Trong trường hợp có phát sinh trong hợp đồng thì cả hai bên phải có trách nghiệm cùng nhau thống nhất giải quyết.

2. Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện nghiêm chỉnh Hợp đồng đã ký, trong quá trình thực hiện có gì thay đổi, hai bên cùng bàn bạc thống nhất để bổ sung bằng văn bản hay phụ lục Hợp đồng. Nếu có trường hợp vi phạm Hợp đồng mà hai bên không thể thương lượng được thì các bên xem xét đưa ra toà án để giải quyết theo pháp luật.

Hợp đồng được lập thành ... bản, mỗi bên giữ ... bản có giá trị ngang nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN B	**ĐẠI DIỆN BÊN A**